

Bản án số: 355/2024/DS-ST
Ngày 25 - 11- 2024
V/v tranh chấp hợp đồng hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm Ph - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Nguyễn Văn Hiên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm D.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 690/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 430/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Hoàng O, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp Ngã B, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:**

+ Bà Lê Thị N, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp Ngã B, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Ông Lý Văn L, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp Hợp Tác X, xã Tân H, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Ông O trình bày:

Ông O có tham gia hui do bà N và ông L làm chủ, loại hui 2.000.000 đồng, mở ngày 15/6/2020, gồm 36 phần, ông O tham gia 1 phần. Quá trình tham gia ông đóng hui đầy đủ, đến kì khai thứ 34 thì bà N đình hui. Sau khi đình hui số tiền ông được hưởng là 68.000.000 đồng, bà N và ông L có trả dần cho ông,

số tiền còn nợ là 54.500.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà N và ông L trả số tiền hội 54.500.000 đồng.

** Bà N trình bày:*

Qua trình bày của ông O về loại hội ông O tham gia, số phần tham gia là đúng. Tuy nhiên, hội này đình ở kì khai thứ 33, lần thứ 34 hội viên có đến bỏ hội nhưng bà không có ở nhà, có nhờ con nói với hội viên là đình hội chứ không có thông báo trước, cũng trong tháng đình hội bà có gom hội và giao cho ông O được 10.000.000 đồng. Số tiền hội nợ ông O là 66.000.000 đồng, sau khi đình hội bà có trả cho ông O 12.500.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền hoa hồng, trừ 500.000 đồng tiền ông O mua tôm giống thì số tiền hội còn nợ ông O là 52.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho ông O 52.000.000 đồng. Hội do bà trực tiếp đứng ra giao dịch, ông L biết bà có mở hội nhưng không tham gia cũng không biết gì về số nợ này nên việc ông O yêu cầu ông L cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà, bà không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông O yêu cầu ông L và bà N trả cho ông số tiền hội 52.000.000 đồng; bà O xác định bà có nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho ông L, có thông báo cho ông L nhưng ông L không có ý kiến gì.

** Đối với ông Lý Văn L:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để biết yêu cầu khởi kiện của ông O nhưng ông L không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông O và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lý Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, ông O yêu cầu ông L và bà N trả số tiền hội 54.500.000 đồng, tại phiên tòa ông O thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông L và bà N trả số tiền 52.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông O không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Ông O khởi kiện yêu cầu bà N và ông L trả số tiền hội còn nợ 52.000.000 đồng. Thấy rằng, giao dịch hội giữa bà N và ông O là thực tế có xảy ra, số tiền nợ hội còn lại cũng được bà N thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nghĩa vụ thanh toán: Theo bà N xác định việc bà làm hội ông L có biết nhưng không tham gia, không biết gì về khoản nợ này nên việc ông O yêu cầu ông L cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà, bà không đồng ý. Xét thấy việc bà N mở hội ông L có biết nhưng không ngăn cản, giao dịch hội giữa các bên được phát sinh trong

thời gian ông L và bà N còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông O. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông L phải cùng có nghĩa vụ với bà N trả nợ cho ông O là phù hợp.

Từ các lập luận nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O. Buộc ông L và bà N có nghĩa vụ trả cho ông O số tiền hui 52.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Ông O không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông L và bà N phải chịu 2.600.000 đồng (52.000.000 đồng x 5% = 2.600.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng O. Buộc bà Lê Thị N và ông Lý Văn L trả cho ông trả cho ông Trần Hoàng O số tiền 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày ông O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N và ông L chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà N và ông O còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông O không phải. Ông L và bà N phải chịu 2.600.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**